

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Nghiệp

Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Q**, sinh ngày 04/02/1992

2. Bị đơn: Anh **Triệu Văn S**, sinh ngày 20/9/1992

Cùng địa chỉ: Thôn TN, xã SP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Đặng Thị Q** trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **S** về chung sống với nhau từ năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Mâu thuẫn trong cuộc sống chung của anh chị phát sinh từ cuối năm 2017, đầu năm 2018 khi anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị khuyên can nhưng anh S không dừng mối quan hệ bất chính này nên hai vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại, đánh nhau, chồng chị đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 01/2019 chị đi làm thuê cho công ty ở tỉnh Bắc Ninh, anh S thường gọi điện, nhắn tin mắng chửi chị. Tháng 3/2019 chị quay về nhà bố mẹ đẻ tại huyện PN, tỉnh Bắc Kạn để sinh sống đến nay. Từ khi sống ly thân, anh chị không có hành động nào để níu kéo tình cảm. Chị xác định tình cảm với anh S không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

* Về con chung: Anh chị có hai con chung, con cả tên là Triệu Văn Q, sinh ngày 08/12/2009 và con út tên là Triệu Thị D, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh S tại xóm TN, xã SP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thị D và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải chị Q trình bày về tài sản như sau:

- Năm 2014, bố mẹ chồng chị có dựng lại một ngôi nhà sàn, chị không có tiền đóng góp mà đóng góp bằng sức lao động. Chị yêu cầu được hưởng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền công đóng góp làm nhà.

- Năm 2017 mua một con bò với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), tiền chung của hai vợ chồng. Năm 2019 khi chị quay về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh S đã bán con bò này với số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) mà không hỏi ý kiến chị. Chị yêu cầu anh S thanh toán cho chị số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Năm 2013 mua một chiếc xe máy cũ tại một cửa hàng ở thành phố CB với số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), chị được đóng góp tiền để mua xe là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), nguồn gốc số tiền là bố mẹ anh S cho anh chị một con bò và chị bán được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), số tiền còn lại là của anh S. Anh Siêu đã bán xe máy này và mua xe máy khác. Sau đó, khoảng tháng 12/2018 anh S đã bán xe máy cho Đặng Văn L, địa chỉ: xóm TN, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng với số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), chị yêu cầu anh S thanh toán cho chị số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Tổng số tiền chị yêu cầu anh Siêu thanh toán cho chị là 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa chị giữ nguyên yêu cầu được chia tiền công khi dựng nhà là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và tiền giá trị con bò là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Chị rút yêu cầu chia giá trị của xe máy. Tổng số tiền chị yêu cầu anh Siêu thanh toán là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Triệu Văn S trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q về chung sống với nhau được 9 năm, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Mẫu thuẫn trong cuộc sống chung của anh chị phát sinh từ năm 2017 khi chị Q đi làm công nhân. Năm 2018 chị Q quay về và yêu cầu được ly hôn với anh, anh không biết lý do vì sao chị Q yêu cầu ly hôn. Từ đó, chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, anh có đến đón chị Q quay về chung sống nhưng chị Q không đồng ý. Từ đó đến nay chị Q không quay về nhà anh nữa. Anh xác định tình cảm của mình với chị Q không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Q.

* Về con chung: Anh chị có hai con chung, con cả tên là Triệu Văn Q, sinh ngày 08/12/2009 và con út tên là Triệu Thị D, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh tại xóm TN, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Triệu Văn Q và cháu Triệu Thị D, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Đối với tổng số tiền chị Q yêu cầu thanh toán là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh chỉ đồng ý thanh toán cho số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trong đó 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền công làm nhà và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền giá trị con bò. Con bò là tài sản chung của vợ chồng, mua đầu năm 2017, thời điểm đó chị Q chỉ được chăm sóc bò vài tháng đã đi làm công nhân, con bò anh đã bán từ đầu năm 2019 với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng). Ngôi nhà sàn được dựng vào năm 2016 và nguồn gốc tiền để làm nhà là của bố mẹ anh, vợ chồng anh chỉ đóng góp công sức làm nhà.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của đương sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Q, chị Q được ly hôn anh S.

+ Về con chung: Giao hai con chung là Cháu Triệu Văn Q sinh năm 2009 và cháu Triệu Thị D sinh năm 2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành.

+ Về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Q một khoản tiền công đóng góp công sức khi làm nhà và tiền con bò đã bán là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị Q yêu cầu được ly hôn, nuôi con, chia tài sản với anh Triệu Văn S, anh S có địa chỉ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm TN, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm 1 khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q và anh Triệu Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, không quan tâm, không chia sẻ, không tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bốn phần của người đó. Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh S, anh S cũng đồng ý với yêu cầu của chị Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng cuộc sống hôn nhân của chị Q và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là chính đáng và cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung, con cả tên là Triệu Văn Q, sinh ngày 08/12/2009 và út tên là Triệu Thị D, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay hai cháu được đi học và đang sinh sống ổn định cùng với anh S tại xóm TN, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa chị Q trình bày, chị không có nhà riêng, đang sinh sống tại nhà nhà bố mẹ đẻ và em trai, em dâu tại huyện PN, tỉnh Bắc Kạn. Chị không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, vì dịch bệnh Covid nên chị không thể đi làm công nhân để có thu nhập. Cháu Triệu Văn Q và cháu Triệu Thị D có nguyện vọng muốn được sống cùng anh S và ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu đang sinh sống ổn định và được đi học tại trường xã SL. Do đó, cần đảm bảo quyền lợi, môi trường sống ổn định và nguyện vọng của các cháu nên giao hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được phép cản trở.

[3] Về tài sản:

Đối với yêu cầu của chị Q, yêu cầu được thanh toán tổng số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó, tiền công làm nhà là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền giá trị con bò đã bán là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Anh S chỉ đồng ý thanh toán cho chị Q

tổng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Q đến sinh sống tại nhà anh S từ năm 2010 và đóng góp một phần công sức nhất định khi làm nhà, việc này cũng được anh S thừa nhận. Nên cần tính tiền công sức đóng góp cho chị Q với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về giá trị con bò: Anh S và chị Q đều thừa nhận con bò là tài sản chung, anh S đã bán được 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng), yêu cầu được thanh toán số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Q là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đặng Thị Q. Chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Triệu Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Văn Q, sinh ngày 08/12/2009 và cháu Triệu Thị D, sinh ngày 01/01/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm mon con ko ai được phép cản trở.

3. Về tài sản: Buộc anh S phải thanh toán cho chị Q tổng số tiền là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Đặng Thị Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002931 ngày 15/3/2021 và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm có

giá ngạch theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002942 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Chị Q còn phải nộp 25.000 đồng (Hai mươi năm nghìn đồng) án phí sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc;
- UBND xã SL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN